| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 936/2024/QĐST-DS | *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 11 năm 2024* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 29 tháng 10 năm 2024 theo đó các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 306/2023/TLST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2023 về việc *"Tranh chấp về thừa kế tài sản"*;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

## XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về việc thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**I.** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

*1/- Nguyên đơn:* Ông Trần Ngọc P (Tran N), sinh năm: 1953, địa chỉ: A Park St . C. 2194. NSW, Australia.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Lê Hoài G, sinh năm: 1978; địa chỉ: 4 đường N, Phường F, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

*2/-Bị đơn:* Bà Trần Thị Ngọc H (L Huong N), sinh năm: 1952; địa chỉ: E C, B, Q, Australia.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Lê Thị Thanh B, sinh năm 1997; địa chỉ: C M, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

*3/-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Trần Ngọc T (Tran Ngoc T1), sinh năm: 1960; địa chỉ: A Diesendorf St Wright A, Australia.

3.2. Ông Trần Ngọc N (Tran N), sinh năm: 1958; địa chỉ: I William St Con dell P, Australia.

3.3. Ông Trần Ngọc T2 (Tran N), sinh năm: 1953; địa chỉ: E Yale Cc Forest L, Australia.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà T, ông N, ông T2:* Bà Lê Hoài G, sinh năm: 1978; địa chỉ: 4 N, Phường F, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

**II.** Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**1**. Về quan hệ nhân thân:

Bà Trần Thị Q chết ngày 02/9/2021, có chồng là ông Trần Ngọc L, chết năm 1969. Cha của bà Trần Thị Q là ông Trần Hữu Đ chết ngày 15/3/1976. Mẹ của bà Trần Thị Q là bà Nguyễn Thị T3, chết ngày 18/3/1998. Bà Trần Thị Q và ông Trần Ngọc L có 05 (năm) người con chung họ tên cụ thể như sau:

Bà Trần Thị Ngọc H (L Huong N), sinh năm 1952.

Ông Trần Ngọc T2 (Tran N), sinh năm 1953.

Ông Trần Ngọc P (Tran N), sinh năm 1953.

Ông Trần Ngọc N (Tran N), sinh năm 1958.

Bà Trần Ngọc T (Tran Ngoc T1), sinh năm 1960.

**2.** Về di sản thừa kế của bà Trần Thị Q

Căn hộ số I 4.1, Tầng D, Lô I, chung cư H, 7 - Đường I khu dân cư T, ấp D B, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ GCN: CH 04256 do Ủy ban Nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/10/2014, số biến động 27619.005081.ĐC.PH ngày 25/11/2014 mang tên bà Trần Thị Q là di sản thừa kế của bà Trần Thị Q.

**3**. Về di chúc của bà Trần Thị Q

Di chúc công chứng số 002806, quyển số 01/TP/CC-SCC/HNGĐ ngày 18/3/2016 do bà Trần Thị Q lập tại Văn phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh là di chúc hợp pháp của bà Trần Thị Q.

**4**. Về chia di sản thừa kế theo di chúc

4.1. Chia di sản thừa kế là Căn hộ số I 4.1, tầng 4, lô I, chung cư H - Đường I KDC T, ấp D, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số số vào sổ GCN: CH 04256 do Ủy ban Nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/10/2014, số biến động 27619.005081.ĐC.PH ngày 25/11/2014 theo Di chúc công chứng số 002806, quyển số 01/TP/CC-SCC/HNGĐ lập tại Văn phòng C ngày 18/3/2016 đều cho 05 người con của bà Trần Thị Q.

4.2. Phát mãi Căn hộ số I 4.1 Tầng D, Lô I, chung cư H, 7 - Đường I KDC T, ấp D, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ GCN: CH 04256 do Ủy ban Nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/10/2014, số biến động 27619.005081.ĐC.PH ngày 25/11/2014.

Người mua được tài sản đấu giá, được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục sang tên chủ sở hữu, sử dụng đối với tài sản phát mãi theo quy định của pháp luật.

4.3. Bà Trần Thị Ngọc H (L Huong N), sinh năm 1952; ông Trần Ngọc T2 (Tran N), sinh năm 1953; ông Trần Ngọc P (Tran N), sinh năm 1953; ông Trần Ngọc N (Tran N), sinh năm 1958 và bà Trần Ngọc T (Tran Ngoc T1), sinh năm 1960 mỗi người sẽ được nhận 1/5 giá trị còn lại của Căn hộ số I 4.1 Tầng D, Lô I, chung cư H - Đường I KDC T, ấp D, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh sau khi trừ các chi phí, lệ phí hợp lệ liên quan đến phát mãi tài sản, thi hành án.

**5.** *Về lệ phí và chi phí tố tụng*: 62.438.482 đồng (Bao gồm tiền xem xét thẩm định tại chỗ, thẩm định giá và ủy thác tư pháp), ông Trần Ngọc P đã nộp đủ và Tòa án đã thực hiện các việc tố tụng nêu trên. Số tiền này được chia đều cho 05 người được hưởng di sản thừa kế; cụ thể:

- Ông Trần Ngọc P (Tran N) phải chịu số tiền 12.487.700 đồng; ông Trần Ngọc P (Tran N) đã nộp đủ.

- Bà Trần Thị Ngọc H (Lam Alice Huong N), ông Trần Ngọc T2 (Tran N), bà Trần Ngọc T (Tran Ngoc T1) và ông Trần Ngọc N (T4) mỗi người phải chịu chi phí, lệ phí tố tụng là 12.487.700 đồng và có trách nhiệm hoàn trả cho ông Trần Ngọc P (Tran N).

**6.** Về án phí dân sự sơ thẩm:

Trần Thị Ngọc H (Lam Alice Huong N), ông Trần Ngọc T2 (Tran N); ông Trần Ngọc P (Tran N), ông Trần Ngọc N (T4); bà Trần Ngọc T (Tran Ngoc T1) mỗi

người phải chịu án phí sơ thẩm số tiền là 15.278.600 (Mười lăm triệu, hai trăm bảy mươi tám nghìn, sáu trăm) đồng.

Thi hành án tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

**III.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**IV.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND Tối cao;
- VKSND Tp. HCM;
- Cục THA dân sự Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA (T11/24).

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Minh Phượng**